

Ưng  
vô sở trụ  
chi  
Sanh tỳ tâm

Trong kinh Kim-Cang, phẩm *Thiền-Hiện Khải Thỉnh*, ngài Tu-Bồ-Đề hỏi Phật: “*Bạch đức Thế-Tôn! Những thiện nam tử, thiện nữ nhân phát tâm vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, nên trụ tâm như thế nào và hàng phục tâm thế nào?*”

Phật bảo ông Tu-Bồ-Đề: “*Các Bồ-tát lớn nên hàng phục cái tâm như vậy: Hết thấy những loại chúng sanh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hoá sanh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải không tướng, ta đều làm cho vào vô-dut niết-bàn mà được diệt độ.*”

“*Diệt độ vô lượng vô số chúng sanh như vậy, mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ? Bởi vì sao? Tu-Bồ-Đề ! Nếu Bồ-tát có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì chẳng phải Bồ-tát.*”

Phần này có 2 đoạn, đoạn trên, đức Phật dạy về cách phát bồ đề tâm. Đoạn dưới, đức Phật dạy về cách hàng phục vọng tâm. Muốn hàng phục tâm phiền-não, chỉ có một cách cứu độ chúng sanh mà không trụ tướng. Có nghĩa là độ tất cả chúng-sanh mà không thấy mình là người hoá độ (*năng độ*), không có chúng sanh là người được độ (*sở độ*). Nếu Bồ-tát không quán sát như thế mà cho rằng ta có độ người, tức là chấp tướng ngã; cho rằng có người được độ, tức là chấp tướng nhơn; chấp tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh thường tồn tại, tức chấp tướng thọ giả. Tâm đã có chấp, thì không thể hàng phục được, tất cả phiền não cũng đều do bốn tướng này khởi lên,

nếu tâm đã không hàng phục được thì đâu có được gọi là Bồ-tát.

Tiếp theo, trong phẩm *Diệu hạnh vô trụ*, đức Phật lại chỉ rõ về “*Nên trụ tâm như thế nào.*”

Phật bảo: “*Tu-Bồ-Đề! đối với pháp, Bồ-tát nên bố thí không trụ vào pháp. Nghĩa là bố-thí mà không trụ vào các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tu-Bồ-Đề ! Bồ-tát nên bố-thí không trụ vào pháp tướng như thế. Bởi vì sao? Nếu Bồ-tát bố-thí mà không trụ tướng, thì phước đức không thể nghĩ bàn.*”

Đoạn này, nói về: tu hạnh Bồ-tát không trụ tướng, tức trụ tâm bồ-đề.

Bồ-tát thực hành ba cách bố thí (thí tài, thí pháp, thí vô-úy), mà ở nơi người thí, kẻ nhận, của cho, cho đến nhưn quả, báo ứng... tất cả pháp tướng đều không chấp trước, thế gọi là “*tâm không chỗ trụ (vô sở trụ).*”

Vì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu trần, nó bao gồm cả sáu căn, sáu thức, cũng gồm nhiếp tất cả pháp. Cho nên, chấp vào một pháp là chấp tất cả, không thành bố-thí ba-la-mật được.

Hơn nữa, bố thí có trụ tướng, thì chỉ thọ phước báo hữu lậu nhưn thiên, còn có hạn lượng; ngược lại, bố-thí không trụ tướng thì phước đức vô lậu, không có hạn



lượng, không thể nghĩ lường.

Cũng với ý đó, xưa kia, tổ Bồ-Đề-Đạt-Ma, khi mới đặt chân vào Trung-Hoa, ngài muốn khai thị cho vua Lương Võ Đế, nhưng ông này đã không lãnh hội được, vì ông chấp vào những việc tạo phước của mình như: xây chùa, tạo tượng, độ Tăng..., lấy đó làm công đức. Thực chất, *‘những việc làm của Lương Võ Đế gọi là cầu phước, không thể lấy phước mà kể là công đức được. Công đức ở trong pháp thân, chứ chẳng phải ở chỗ tu phước’* (Trích Lục-Tổ Đàm Kinh). Lục-Tổ còn nói: *“Thấy tánh là công, giữ lòng bình đẳng là đức”*. Lòng bình đẳng tức là tâm như như, đối với cả thảy pháp giới chúng sanh, xem đồng một thể, không thấy có cao thấp, sang hèn... Như thế, việc tu phước vẫn là cần, nhưng phải hiểu là bố thí không trụ tướng, ba vâng (*người thí, kẻ nhận, của thí*) đều không tịch, được như vậy thì công đức không thể nghĩ lường.

Tiếp theo, trong phẩm “Trang-nghiêm Phật-độ”, đức Phật lại hỏi Tu-Bồ-Đề: *“Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Bồ-tát có trang nghiêm Phật-độ chăng?”*

Tu-Bồ-Đề trả lời: *“Bạch Thế-Tôn! Không. Bởi vì sao? Trang nghiêm Phật độ, tức chẳng phải là trang nghiêm Phật độ, mà chỉ cưỡng gọi là trang-nghiêm thôi”*.

Đoạn này nói rõ hạnh “Trang nghiêm Phật-độ” mà phá chấp tướng. Bởi lẽ, Bồ-tát, phần tự tu đã xong, thì tự tánh mình là Tịnh-độ, bản lai đã thanh-tịnh rồi, cần gì phải trang nghiêm nữa. Tuy nhiên, phần tự tu tự độ đã xong, nhưng hạnh giáo hoá cũng cần phải tích cực thiết thực, vì chúng sanh là Phật-độ của Bồ-tát, giáo hoá chúng sanh là trang nghiêm Phật-độ của mình. Dù có thị hiện hình tướng trang nghiêm, nhưng cũng không nên chấp vào hình tướng. Cho nên nói: *“Trang nghiêm, tức chẳng phải là trang nghiêm, chỉ cưỡng gọi là trang nghiêm thôi”*.

Phật lại bảo Tu-Bồ-Đề: *“Vì thế, Tu-Bồ-Đề! Các Bồ-tát lớn, nên sanh tâm thanh-tịnh như vậy: Không nên trụ vào sắc mà sanh tâm, không nên trụ thính, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm, phải nên không trụ nơi nào hết mà sanh tâm (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm).”*

Bởi vì, Phật-độ vốn đầy đủ cả muôn đức, sạch hết mọi lụy trần, nên dùng cái diệu quán “vô sở đắc”, diệu huệ “vô sở trụ” như đã nói ở trên mà sanh tâm thanh-tịnh. Tâm không chấp trước, hư vọng phân biệt đó là tâm thanh-tịnh, tức là không nên sanh tâm trụ nơi sáu trần. Sáu trần là cảnh sở duyên của sáu thức, nếu chấp lấy sáu trần mà sanh khởi sáu thức để phân biệt, quán-sát điều gì thời đều là bất tịnh.



Ngay tại điểm này, năm xưa, trước khi đến tịnh thất Huỳnh Mai, Lục-Tổ nghe người ta tụng Kim Cang, đã có chỗ giải-ngộ, và sau này, khi nghe Ngũ-Tổ giảng đến câu *Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*, trong tâm liền tỏ ngộ, và thốt lên rằng: *“Nào dè tánh mình bỗng lai thanh-tịnh, nào dè tánh vốn không sanh diệt, nào dè tánh mình vốn sẵn đủ, nào dè tánh mình vốn không lay động, nào dè tánh mình hay sanh muôn pháp”*. Chính vì thế, chúng ta cũng không lạ gì khi nghe bài kệ trình bày chỗ thấy của ngài Lục-Tổ Huệ Năng. Ở đây, không chỉ là ý nghĩa trình tỏ ngộ khi thấy tánh, mà cả phương pháp tu tập của hành giả nữa. Chúng ta hãy xem lại bài kệ:

*Bồ-đề vốn không cây.  
Gương sáng cũng chẳng đài.*

*Xưa nay không một vật,  
Chỗ nào để dính nhờ.*

Lục tổ đã nhận được rằng: Phật tánh vốn chẳng sanh diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thọ huân nhiễm. Nói: “Xưa nay không một vật” là chỉ Phật tánh vốn không khởi vọng niệm. Vọng niệm là kiến, văn, giác, tri, nó vốn hay khởi vọng niệm, như dòng suối tuôn chảy không ngừng, chẳng thể dứt sạch được, không cần lau chùi. Cho nên, nếu khởi tâm để dứt trừ vọng tưởng cũng là việc không cần thiết và không làm được.

Bài kệ của Thần-Tú:  
*Thân như cây bồ-đề  
Tâm như đài gương sáng  
Luôn luôn siêng lau chùi  
Chớ cho dính bụi nhờ.*

Thần-Tú đã lầm nhận kiến, văn, giác, tri là Phật tánh (đài gương sáng), vọng niệm dụ cho bụi dính gương, ‘siêng lau chùi’ dụ cho dứt vọng niệm, ‘chớ cho dính bụi nhờ’, ý nói: không cho vọng niệm sanh khởi. Người không phân biệt rõ ràng giữa Phật tánh với kiến, văn, giác, tri thì dụng công học Phật chắc hẳn lầm lạc. (Theo Cội Nguồn Truyền Thừa của Lai Quả Thiền Sư)

Đây cũng chính là điểm mà nhà Thiền đặc biệt quan tâm. Theo Tổ-sư thiền, thì mọi hình thức sử dụng ý-thức để xem xét, quán chiếu một đối tượng nào đó đều là sai. Chỉ có cách tham thoại đầu là được các thiền sư sử dụng nhiều. Chữ tham tức là nghi, nghi là không hiểu. Việc gì đã hiểu rồi thì hết nghi, hết nghi là không có tham. Tham thiền chú trọng cái nghi, gọi là nghi tình. Muốn khởi nghi tình phải nhờ câu thoại đầu, gọi là tham thoại đầu. Thế nào là thoại đầu? Ngài Hư-Vân giải thích: Khi muốn nói một câu thoại thì phải khởi niệm mới nói được. Lúc chưa khởi niệm muốn nói gọi là thoại đầu, nếu đã khởi niệm, mặc dù chưa nói ra cũng đã là thoại vĩ rồi.

Thí dụ tham câu: “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Hành giả trả lời không được và thấy thắc mắc, đó gọi là nghi tình. Khi công phu được thành một khối, cũng gọi là đến thoại đầu, còn gọi là đầu sào trăm thước. Từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước nữa là kiến tánh giải thoát.

Ở đây, ta thấy khi tham đến “thoại đầu”, nói là tham nhưng chẳng phải tham, vì lúc này tất cả kiến, văn, giác, tri (cái biết của bộ não) đã dứt hết, chính là chỗ đầu sào trăm thước, *nặng tham sở tham* đều không còn. Đó là ý nghĩa *tâm vô sở trụ chẳng?*

Cho nên, khi xưa, Hương Nghiêm hành giả là một bậc lâu thông kinh điển, hỏi một đáp mười, nhưng vừa bị Tổ Quy Sơn Linh Hựu hỏi: “Khi cha

mẹ chưa sanh, người hãy nói thử một câu?” sư không đáp được, liền trở về tìm khắp trong các kinh điển đều không giúp ích gì được. Sư bèn trở lại đảnh lễ, xin Quy Sơn chỉ dạy. Quy Sơn nói: “Nếu ta nói cho ông biết, về sau ông sẽ mắng ta; vả lại, ta nói là việc của ta, không liên quan gì đến việc của ông”. Sau đó, sư về đốt hết kinh sách, dựng am tranh, hạ thủ công phu. Một hôm, đang dọn cỏ trong núi, sư ném mảnh sành văng nhằm bụi tre phát ra một tiếng “keng”, sư ngay đó thốt nhiên đại ngộ, liền trở về tắm rửa, đốt hương hướng về Tổ Quy Sơn đảnh lễ và than rằng: “Hoà Thượng đại bi ơn đức hơn cả cha mẹ. Khi trước, nếu ngài nói trắng ra, thì làm sao con có ngày hôm nay?” Sau đó sư có làm bài kệ rằng:

*Một tiếng quên sở tri,  
Chẳng cần phải tu trì,  
Đổi sắc bày đường xưa,  
Chẳng rơi cơ lặng yên.  
Nơi nơi không dấu vết,  
Oai nghi ngoài sắc thình.  
Những người bậc đạt đạo,  
Đều gọi thượng thượng cơ.*

(Theo: Tham Đồ Hiển Quyết, HT.Thích Thanh Từ dịch)

Chúng ta thấy câu: ‘*chẳng cần phải tu trì*’ ngụ ý: chơn tâm vốn thanh tịnh, chỉ vì vọng tưởng che ngăn, nay thấy tánh rồi nó tự hiển lộ, chẳng phải qua tu tập nó mới hiện hữu.

Tiếp theo câu: ‘*Chẳng rơi cơ lặng yên*’ rõ ràng là đả phá lối ngồi yên chẳng nghĩ mà cho là thiền.

Và câu ‘*Oai nghi ngoài sắc thình*’ cũng là muốn nói: hành giả chơn tham, không kẹt nơi sắc, thình (lục trần), lấy vô trụ làm tông chỉ.

Có thể nói, cơ tham của Hương-Nghiêm là tối thượng thừa, lấy vô-niệm vô-trụ làm tông và đã phát huy tác dụng rất mạnh mẽ.

Tóm lại, *tâm vô sở trụ* có thể nói là một phương châm độc nhất của hành giả tu bồ tát hạnh trên hành trình lợi ngược dòng về nguồn (Tìm về bản lai diện mục), cũng như quá trình nhập thế hành đạo. Và phương châm hành động này đòi hỏi một nguyên tắc rất nghiêm ngặt. Bởi lẽ thiếu nó hoặc vận dụng không đúng, thì hành giả sẽ gặp nhiều chướng ngại trên hành trình của tâm và việc tu tập giáo hoá cũng khó mong kết quả. Đó chính là diệu hành vô trụ của trí Kim-Cang bát-nhã, hầu hết các kinh điển đại thừa đều không ra ngoài ý chỉ này, chỉ là đức Phật tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mà nói ra các pháp môn tùy nơi tùy lúc có khác mà thôi. □